

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Trần Đức Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Trường Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên
Ông Ngô Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên	
Bà Đào Thị Minh Hòa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2021
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Nguyễn Văn Khánh - Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
Số 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc

Kông Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương, được lập ngày 09/03/2022, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Quân
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1974-2018-047-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Tạ Quốc Huy
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3651-2021-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		125.973.885.072	144.223.251.676
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.061.109.165	31.270.453.768
1. Tiền	111		3.011.109.165	1.220.453.768
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.050.000.000	30.050.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.150.000.000	14.250.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.150.000.000	14.250.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.223.171.714	81.267.679.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	43.076.948.048	53.943.652.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11b	4.237.281.451	13.172.053.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.908.942.215	14.151.973.218
IV- Hàng tồn kho	140	V.5	12.725.277.373	15.408.555.375
1. Hàng tồn kho	141		12.725.277.373	15.408.555.375
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.814.326.820	2.026.562.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	42.445.540	48.352.687
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	1.771.881.280	1.978.210.238
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		237.890.825.299	242.736.133.250
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		90.796.690.893	94.957.972.653
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	90.762.663.100	94.902.278.200
- Nguyên giá	222		148.164.566.678	148.164.566.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.401.903.578)	(53.262.288.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	34.027.793	55.694.453
- Nguyên giá	228		482.747.130	482.747.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(448.719.337)	(427.052.677)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		2.980.259.092	2.980.259.092
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.980.259.092	2.980.259.092
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		144.032.903.788	144.527.786.226
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	42.693.227.166	42.693.227.166
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	102.441.831.642	102.441.831.642
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.102.155.020)	(607.272.582)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		80.971.526	270.115.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	80.971.526	270.115.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		363.864.710.371	386.959.384.926

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

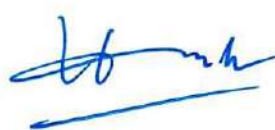
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		65.331.766.475	86.354.533.592
I- Nợ ngắn hạn	310		61.426.366.475	78.624.533.592
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	21.314.666.485	38.845.757.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.3b	6.734.988.279	14.475.658.563
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	2.497.208.085	116.737.791
4. Phải trả người lao động	314		2.206.880.381	939.994.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	10.856.151.899	6.210.398.698
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	2.991.797.676	5.829.357.795
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2.100.000.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	1.500.000.000	1.500.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.224.673.670	10.706.629.055
II- Nợ dài hạn	330		3.905.400.000	7.730.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	3.905.400.000	2.730.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	5.000.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		298.532.943.896	300.604.851.334
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	298.532.943.896	300.604.851.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.000.000.000	268.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.481.925.702	10.481.925.702
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		901.701.960	901.701.960
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.149.316.234	21.221.223.672
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.228.824.672	9.216.363.340
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.920.491.562	12.004.860.332
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		363.864.710.371	386.959.384.926

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Bích Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	190.032.809.280	159.880.031.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		190.032.809.280	159.880.031.168
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	182.199.801.922	155.138.973.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.833.007.358	4.741.057.328
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.411.726.454	14.582.394.619
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.043.414.806	1.666.219.141
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>533.162.500</i>	<i>919.098.192</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.281.181.638	8.220.354.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		12.920.137.368	9.436.878.711
11. Thu nhập khác	31	VI.5	5.703.885	2.577.993.742
12. Chi phí khác	32	VI.6	5.349.691	10.012.121
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		354.194	2.567.981.621
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.920.491.562	12.004.860.332
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.920.491.562	12.004.860.332

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		247.056.016.509	192.904.747.688
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(217.039.851.729)	(159.709.818.229)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.929.509.555)	(12.696.252.615)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(541.086.111)	(930.084.304)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(300.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.260.636.515	1.564.428.247
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.750.367.501)	(14.152.837.955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.055.838.128	6.680.182.832
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.153.100.822)	(5.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.253.100.822	7.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.231.816.947	14.480.354.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.668.183.053)	16.480.354.509
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.900.000.000)	(5.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.693.163.187)	(8.060.907.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.593.163.187)	(13.060.907.940)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(18.205.508.112)	10.099.629.401
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	31.270.453.768	21.168.912.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.836.491)	1.911.906
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	13.061.109.165	31.270.453.768

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Giao nhận Kho vận Ngoại thương theo Quyết định số 1221/QĐ-BCT ngày 17 tháng 03 năm 2011 của Bộ Công thương, Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107317 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 268.000.000.000 VND (*Bằng chữ : Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh, Xí nghiệp	
Chi nhánh Nghệ An	103 Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ xây dựng Ngoại thương	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Văn phòng đại diện	
Văn phòng đại diện Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương	102 Nguyễn Văn Cừ, TP. HCM

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty con	
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. HCM
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Đà Nẵng	Lô A - 192B đường 30/4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Công ty liên doanh	
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans	15 Bis, Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 86 người (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 93 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ bán vé máy bay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ đóng hộp, đóng thùng và bao gói hàng hoá;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép các bản ghi các loại;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát;
- Dịch vụ logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 48
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, gồm chi phí tiền thuê đất, chi phí sửa chữa tài sản và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ: Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn; Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	56.606.479	95.907.799
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.954.502.686	1.124.545.969
Các khoản tương đương tiền	10.050.000.000	30.050.000.000
Cộng	13.061.109.165	31.270.453.768

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc từ 1 - 3 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	36.150.000.000	36.150.000.000	14.250.000.000	14.250.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.150.000.000	32.150.000.000	10.150.000.000	10.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000

Các khoản tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	42.693.227.166	(766.469.517)	42.693.227.166	(607.272.582)
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	33.070.150.023	-	33.070.150.023	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	3.108.802.700	-	3.108.802.700	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương miền Nam	2.752.074.656	-	2.752.074.656	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	3.762.199.787	(766.469.517)	3.762.199.787	(607.272.582)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	102.441.831.642	(335.685.503)	102.441.831.642	-
Công ty Liên doanh Bông Sen	96.969.331.642	-	96.969.331.642	-
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	4.972.500.000	-	4.972.500.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	500.000.000	(335.685.503)	500.000.000	-

Thông tin về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

Đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
a) Đầu tư vào công ty con			
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng	66,12%	66,12%
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	67,80%	67,80%
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Lô A-192B, đường 30/4, Hải Châu, Đà Nẵng	57,25%	57,25%
b) Đầu tư vào công ty liên doanh			
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quý, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	61,80%	61,80%
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	1A Nguyễn Văn Quý, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
c) Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	43,48%	43,48%

3. Công nợ với khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Bên không liên quan	43.076.948.048	53.943.652.434
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế	8.854.813.075	9.404.813.075
Ban quản lý Dự án công trình y tế	4.439.511.652	-
Công ty TNHH Hàm rượu Châu Á	841.627.158	1.515.935.231
Công ty Giao nhận Kho vận ngoại thương Hà Nội	249.697.862	3.149.697.862
Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	6.563.093.081	1.444.522.856
Công ty TNHH Ford Việt Nam	1.371.524.010	10.433.387.513
Ban Tuyên giáo Trung Ương	703.675.812	1.224.000.000
Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	-	2.997.457.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành	5.941.129.076	13.402.080.986
Bệnh viện mắt Trung ương	1.242.245.800	1.242.245.800
Công ty cổ phần Karofi Holding	1.462.358.752	-
Các khách hàng khác	11.407.271.770	9.129.511.112
Cộng	43.076.948.048	53.943.652.434
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Bên không liên quan	6.734.988.279	14.475.658.563
Ban Quản lý Dự án công trình y tế	-	4.037.613.022
Công ty TNHH XNK hàng tiêu dùng Việt Nam	1.839.791.251	2.516.249.290
Bệnh viện K	4.887.554.520	7.904.773.000
Các khách hàng khác	7.642.508	17.023.251
Cộng	6.734.988.279	14.475.658.563

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Bên liên quan	2.452.009.482	2.314.502.322
Phải thu cổ tức của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	1.021.200.000	888.000.000
Phải thu cổ tức của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	990.899.694	986.592.534
Phải thu khác của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	139.909.788	139.909.788
Phải thu lợi nhuận của Công ty liên doanh Bông Sen	300.000.000	300.000.000
- Bên không liên quan	12.456.932.733	11.837.470.896
Phải thu về cổ phần hóa	827.521.153	827.521.153
Tạm ứng của người lao động, phòng Ban trong Công ty	9.726.364.729	9.226.364.729
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	-	4.303.750
Phải thu các đối tượng khác	1.903.046.851	1.779.281.264
Cộng	14.908.942.215	14.151.973.218

5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.640.703.492	-	15.323.981.494	-
Hàng hóa	84.573.881	-	84.573.881	-
Cộng	12.725.277.373	-	15.408.555.375	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	144.946.016.950	2.445.121.226	773.428.502	148.164.566.678
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	144.946.016.950	2.445.121.226	773.428.502	148.164.566.678
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	50.902.057.529	1.586.802.447	773.428.502	53.262.288.478
Tăng trong năm	3.954.850.788	184.764.312	-	4.139.615.100
Khấu hao trong năm	3.954.850.788	184.764.312	-	4.139.615.100
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	54.856.908.317	1.771.566.759	773.428.502	57.401.903.578
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2021	94.043.959.421	858.318.779	-	94.902.278.200
Tại 31/12/2021	90.089.108.633	673.554.467	-	90.762.663.100

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 6.010.166.848 VND và tại ngày 01/01/2021 là 4.066.166.848 VND.

Nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2021 của Văn phòng 15Bis Lý Nam Đế được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với giá trị lần lượt là 87.318.462.021 VND và 71.758.721.899 VND.

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	482.747.130	482.747.130
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	482.747.130	482.747.130
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	427.052.677	427.052.677
Tăng trong năm	21.666.660	21.666.660
Khấu hao trong năm	21.666.660	21.666.660
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	448.719.337	448.719.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	55.694.453	55.694.453
Tại 31/12/2021	34.027.793	34.027.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 69.110.767 VND; tại ngày 01/01/2021 là 397.747.130 VND. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết, hỏng và không còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 328.636.363 VND.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng văn phòng ở Cầu Giấy	472.199.091	472.199.091
Xây nhà ở cho CBCNV tại Pháp Vân	2.508.060.001	2.508.060.001
Cộng	2.980.259.092	2.980.259.092

9. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	42.445.540	48.352.687
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	42.445.540	48.352.687
b) Dài hạn	80.971.526	270.115.279
Tiền thuê đất chờ phân bổ	44.444.416	88.888.864
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	36.527.110	131.763.910
Chi phí sửa chữa tài sản	-	49.462.505

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2021, là khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Chi tiết khoản vay như sau:

- Gốc vay: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: 120 tháng (10 năm) kể từ ngày 20/03/2012;
- Lãi suất: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/ 01 lần;
- Nợ gốc đến hạn trả trong năm 2022 là: 2.100.000.000 VND.

Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Văn phòng làm việc tại số 15 Bis phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội bao gồm tài sản gắn liền với đất, quyền tài sản phát sinh từ Dự án, quyền tài sản phát sinh từ các giao dịch nhằm kinh doanh, khai thác Dự án. Dự án công trình Văn phòng làm việc tại số 15 Bis Lý Nam Đế đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2013.

11. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Bên không liên quan	21.314.666.485	38.845.757.270
Công ty CP Xây dựng Đồng Tâm Hà Nội	836.862.442	71.044.827
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hoàng Châu	819.895.952	577.588.264
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Cường Quốc	555.935.268	304.367.448
Công ty CP Thương mại Du lịch Loan Anh	1.465.233.727	1.465.233.727
Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Hùng Phát	2.010.028.200	2.835.635.000
Công ty TNHH TMDV và Vận tải Hải Nam	1.956.604.800	3.509.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty TNHH DV và TM Vận tải Đức Hiếu HD	983.743.600	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	12.686.362.496	30.082.448.004
Cộng	21.314.666.485	38.845.757.270
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Bên không liên quan	4.237.281.451	13.172.053.956
Terre cevico soc.coop.agricola	621.270.579	839.397.182
Công ty CP Giải pháp Công nghệ tòa nhà An Thịnh	487.558.284	487.558.284
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	3.128.452.588	11.845.098.490
Cộng	4.237.281.451	13.172.053.956

12. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT tại VP Hà Nội	1.008.047.731	20.094.025.881	19.191.534.123	105.555.973
Thuế GTGT tại CN Nghệ An	11.181.818	40.999.999	40.999.999	11.181.818
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	1.477.978.536	6.957.300.596	5.479.322.060	-
Cộng	2.497.208.085	27.092.326.476	24.711.856.182	116.737.791
b) Phải thu				
Thuế GTGT tại XN dịch vụ xây dựng	45.873.608	-	-	45.873.608
Thuế TNDN	58.982.247	-	-	58.982.247
Thuế TNCN	183.990.364	308.765.275	300.125.699	175.350.788
Thuế tiêu thụ đặc biệt	727.822.867	53.814.579.071	53.932.949.502	846.193.298
Thuế xuất nhập khẩu	755.212.194	23.505.339.512	23.601.937.615	851.810.297
Cộng	1.771.881.280	77.628.683.858	77.835.012.816	1.978.210.238

(*) Số dư tiền thuê đất phải nộp cuối năm là 30% tiền thuê đất còn phải nộp của kỳ tính thuế năm 2021 tại 02 khu đất: QL1A đi khu đô thị mới Pháp Vân Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội và Khu đất số 102C Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Trong năm 2021, Công ty đã nộp Hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tiền thuê đất được giảm (nếu có) của 02 khu đất này sẽ được hạch toán giảm vào chi phí kinh doanh tại thời điểm có Quyết định giảm tiền thuê đất chính thức của Cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	3.062.500	10.986.111
Các khoản trích trước chi phí mua hàng, logistics	10.311.583.281	6.199.412.587
Trích trước doanh thu điều chỉnh giảm của công trình		
Học viện báo chí tuyên truyền - Ký túc xá A5	541.506.118	-
Cộng	10.856.151.899	6.210.398.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình Học viện báo chí và tuyên truyền A5	500.000.000	500.000.000
Dự phòng bảo hành công trình Xây dựng viện pháp y tâm thần	500.000.000	500.000.000
Dự phòng bảo hành công trình Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Mắt Trung ương	500.000.000	500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

15. Các khoản phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	130.102.179	130.102.179
Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng Ngoại thương - Công nợ phải trả nội bộ xí nghiệp hạch toán phụ thuộc	249.706.537	3.149.706.537
Phải trả khác của Văn phòng Hà Nội	905.748.019	843.308.138
Phải trả khác của Chi nhánh Nghệ An	56.546.187	56.546.187
Phải trả khác của Chi nhánh Nha Trang	28.530.590	28.530.590
Phải trả khác của Xí nghiệp DVXD Ngoại thương	300.000.000	300.000.000
Các khoản dự chi	1.321.164.164	1.321.164.164
Cộng	2.991.797.676	5.829.357.795
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.905.400.000	2.730.000.000
Cộng	3.905.400.000	2.730.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	20.816.363.340	300.199.991.002
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.004.860.332	12.004.860.332
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.560.000.000)	(3.560.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.040.000.000)	(8.040.000.000)
Số dư cuối năm trước	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	21.221.223.672	300.604.851.334
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.920.491.562	12.920.491.562
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.300.399.000)	(3.300.399.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.692.000.000)	(11.692.000.000)
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	19.149.316.234	298.532.943.896

Tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-VIETRANS ngày 30/06/2021 của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	266.566.000.000	266.566.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	1.434.000.000	1.434.000.000
Cộng	268.000.000.000	268.000.000.000

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.692.000.000	8.040.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.800.000	26.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.800.000	26.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
- USD	532,86	562,24
- EUR	1.891,84	1.205,90
- JPY	33.000,00	33.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	75.388.601.759	41.673.053.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.367.545.228	75.628.852.008
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.276.662.293	42.578.125.591
Cộng	190.032.809.280	159.880.031.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	72.990.198.261	40.432.499.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	92.268.753.985	72.783.613.242
Giá vốn hợp đồng xây dựng	16.940.849.676	41.922.861.353
Cộng	182.199.801.922	155.138.973.840

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi tiền gửi thanh toán	1.660.568.850	1.967.376.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.716.483.585	12.584.764.252
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.674.019	30.254.110
Cộng	14.411.726.454	14.582.394.619

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	533.162.500	919.098.192
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác	494.882.438	607.272.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.781.298	117.031.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.588.570	11.424.739
Chi phí tài chính khác	-	11.392.000
Cộng	1.043.414.806	1.666.219.141

5. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	100.000.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	2.475.000.000
Nợ không phải trả	5.703.878	-
Các khoản khác	7	2.993.742
Cộng	5.703.885	2.577.993.742

6. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền phạt, truy thu	5.346.212	8.928.021
Các khoản khác	3.479	1.084.100
Cộng	5.349.691	10.012.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.908.897.062	4.850.215.492
Chi phí khấu hao TSCĐ	175.795.512	211.363.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.223.638.588	1.052.478.741
Các khoản chi phí bằng tiền khác	1.972.850.476	2.106.296.172
Cộng	8.281.181.638	8.220.354.095

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	12.920.491.562	12.004.860.332
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(12.716.483.585)</i>	<i>(12.584.764.252)</i>
Cổ tức lợi nhuận được chia	(12.716.483.585)	(12.584.764.252)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>61.186.182</i>	<i>74.012.121</i>
Chi phí kinh doanh không được trừ	61.186.182	74.012.121
Thu nhập chịu thuế	265.194.159	(505.891.799)
Chuyển lỗ	(265.194.159)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ Phần Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	133.200.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	Công ty con	Cổ tức được chia	3.610.230.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	Công ty con	Cổ tức được chia	176.280.000
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Lợi nhuận được chia	8.792.466.425
Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách		Lương	684.000.000
Hội đồng quản trị		Thù lao HĐQT	78.000.000
Ban Giám đốc		Lương	1.032.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty không còn các khoản phải thanh toán với các bên liên quan khác.

3. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực bán hàng, logistics và xây dựng, doanh thu - giá vốn của từng lĩnh vực đã được trình bày tại Thuyết minh số VI.01 và VI.02; Trụ sở, văn phòng và chi nhánh của Công ty đặt trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập riêng báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát được thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Tài chính - Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.061.109.165	-	13.061.109.165
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.985.890.263	-	57.985.890.263
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.150.000.000	-	36.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	144.032.903.788	144.032.903.788
Cộng	107.196.999.428	144.032.903.788	251.229.903.216
31/12/2021			
Các khoản vay	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	37.031.137.831	3.905.400.000	40.936.537.831
Chi phí phải trả	10.856.151.899	-	10.856.151.899
Cộng	49.987.289.730	3.905.400.000	53.892.689.730
Chênh lệch thanh khoản thuần	57.209.709.698	140.127.503.788	197.337.213.486
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.270.453.768	-	31.270.453.768
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.095.625.652	-	68.095.625.652
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.250.000.000	-	14.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	144.527.786.226	144.527.786.226
Cộng	113.616.079.420	144.527.786.226	258.143.865.646
01/01/2021			
Các khoản vay	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	56.881.744.120	2.730.000.000	59.611.744.120
Chi phí phải trả	6.210.398.698	-	6.210.398.698
Cộng	63.092.142.818	7.730.000.000	70.822.142.818
Chênh lệch thanh khoản thuần	50.523.936.602	136.797.786.226	187.321.722.828

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.061.109.165	31.270.453.768
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.985.890.263	68.095.625.652
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.150.000.000	14.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	145.135.058.808	145.135.058.808
Cộng	252.332.058.236	258.751.138.228
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.100.000.000	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	40.936.537.831	59.611.744.120
Chi phí phải trả	10.856.151.899	6.210.398.698
Cộng	53.892.689.730	70.822.142.818

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh

